



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM
VIETNAM SANITARY AND PHYTOSANITARY NOTIFICATION AUTHORITY AND ENQUIRY POINT



BẢN TIN SPS VIỆT NAM

SỐ 50, THÁNG 10, 2024

CƠ QUAN XUẤT BẢN: VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM



GMO



BẢN TIN

SPS VIỆT NAM

SỐ 50, THÁNG 10, 2024

Cơ quan chủ quản

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. Lê Thanh Hòa

Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam

Ban biên tập

TS. Ngô Xuân Nam - Trưởng Ban

(Phó Giám đốc Văn phòng SPS Việt Nam)

ThS. Đinh Đức Hiệp

PGS.TS. Nguyễn Anh Thu

TS. Nguyễn Thị Thu Hồng

KS. Nguyễn Tử Cương

ThS. Nguyễn Quốc Chính

ThS. Trần Diễm Hồng

ThS. Trần Thị Tú Oanh

KS. Lê Anh Ngọc

Thư ký Ban biên tập

TS. Đào Văn Cường

Văn phòng SPS Việt Nam,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Địa chỉ: số 10 Nguyễn Công Hoan,

Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 37344764

Fax: 024 37349019

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: www.spsvietnam.gov.vn

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 29/GP-XBBT ngày 07/5/2024

của Cục Báo chí, Bộ Thông tin và Truyền Thông

In 1.000 cuốn, khổ 19 x 27cm

MỤC LỤC

• Vương quốc Anh thay đổi một số mẫu giấy chứng nhận	03
• Canada dự thảo mức dư lượng tối đa đối với Flupyradifurone	04
• Nhật Bản dự thảo về giới hạn dư lượng tối đa được (MRL) đối với Imicyafos	05
• Nhật Bản dự thảo về giới hạn dư lượng tối đa được (MRL) đối với Mandipropamid	07
• Nhật Bản dự thảo về giới hạn dư lượng tối đa được (MRL) đối với 1-Naphthaleneacetic acid	10
• Canada dự thảo về giới hạn dư lượng tối đa được (MRL) đối với pyridate	11
• EU dự thảo các biện pháp ngăn chặn sự xuất hiện của virus nâu sần quả cà chua (Tomato brown rugose fruit virus) trên các giống cà chua và ớt	12
• EU bổ sung các trường hợp và điều kiện cơ quan có thẩm quyền yêu cầu các nhà khai thác thông báo về việc hàng hóa nhập cảnh vào lãnh thổ EU	13
• Hoa Kỳ đề xuất mức dư lượng tối đa (MRL) mới đối với hoạt chất Sulfentrazone trên ngô	14
• EU bổ sung các kế hoạch kiểm soát quốc gia dựa trên rủi ro và kế hoạch giám sát ngẫu nhiên quốc gia, và tần suất lấy mẫu tối thiểu	15
• Canada thông báo ban hành lệnh miễn trừ cấp bộ trưởng đối với việc nhập khẩu đặc biệt một số thực phẩm phục vụ mục đích ăn kiêng đặc biệt	16
• Hàn Quốc đề xuất sửa đổi "Luật đặc biệt về Kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu"	17
• Trung Quốc sửa đổi Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm quốc gia đối với sữa tiết trùng	18
• Brazil đề xuất bổ sung C91 - CORYMBIA CITRIODORA vào danh mục thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia đình và chất bảo quản gỗ	19
• Brazil dự thảo Nghị quyết về An toàn Sức khỏe Con người liên quan đến Sản phẩm Thú y	20
• Canada đề xuất thay đổi mức dư lượng tối đa đối với Clethodim (PMRL2024-21)	21
• Canada: Đề xuất thay đổi mức dư lượng tối đa đối với Triallate (PMRL2024-19)	22
• Canada dự thảo thay đổi giới hạn tối đa với hoạt chất spiromesifen	23
• Tiêu chuẩn Halal của các thị trường Hồi giáo Trung Đông và các thị trường mới nổi	24
• Phụ lục	30

VƯƠNG QUỐC ANH THAY ĐỔI MỘT SỐ MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN

ThS. Đinh Đức Hiệp
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 17/10/2024, Vương quốc Anh đưa ra thông báo số G/SPS/N/GBR/71 giới thiệu một mẫu giấy chứng nhận sức khỏe mới cho việc nhập khẩu động vật thủy sinh để nuôi, làm cảnh, nuôi tiếp hoặc thanh lọc, và các mục đích khác vào Vương quốc Anh. Điều này cũng bao gồm việc vận chuyển động vật thủy sinh sống qua Vương quốc Anh. Giấy chứng nhận mới này sẽ thay thế hai giấy chứng nhận hiện có sẽ bị loại khỏi danh sách sử dụng (GBHC670 và GBHC671).



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Đối với các quốc gia, lãnh thổ, khu vực hoặc vùng không có bệnh liên quan:

- Các bệnh liên quan phải được thông báo cho cơ quan có thẩm quyền và các báo cáo trường hợp nghi ngờ nhiễm bệnh phải được cơ quan có thẩm quyền điều tra ngay lập tức.
- Mọi sự xâm nhập của các loài mẫn cảm với các bệnh liên quan đều đến từ khu vực được công bố là không có bệnh
- Các loài mẫn cảm không được tiêm vắc xin phòng các bệnh liên quan.

Đối với các loài động vật thủy sinh phải kiểm dịch thì sẽ tuân theo Quyết định số 2008/946. Các loại giấy chứng nhận về vùng lãnh thổ được cho là sạch bệnh bao gồm:

1. AH/T156A

Chứng nhận này áp dụng khi lô hàng có chứa các loài được liệt kê cho Bệnh hoại tử tạo máu (Epizootic haematopoietic necrosis - EHN), Nhiễm trùng huyết xuất huyết do vi-rút (Viral haemorrhagic septicaemia - VHS), Hoại tử tạo máu truyền nhiễm (Infectious haematopoietic necrosis - IHN), Thiếu máu truyền nhiễm ở cá hồi (chủng bị xóa gen HPR) (Infectious salmon anaemia - ISA), Bonamia exitiosa, Perkinsus marinus, Mikrocycos mackini, Hội chứng Taura và/hoặc Bệnh đầu vàng trên tôm.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

2. AH/T157A

Mẫu chứng nhận này cần có khi lô hàng có chứa các loài mẫn cảm với các loại mầm bệnh: virus herpes trên cá Koi (Koi Herpes virus -KHV), Marteilia refringens, Bonamia ostreae và bệnh đốm trắng nhập khẩu vào Vương quốc Anh hoặc một vùng/ khu vực trong đó được công bố không có bệnh hoặc được áp dụng chương trình giám sát hoặc loại trừ đối với các bệnh trên.

3. AH/T158A

Mẫu chứng nhận này cần có khi lô hàng có chứa các loài mẫn cảm với các loại mầm bệnh: bệnh truyền nhiễm trên cá chép (Spring viraemia of carp - SVC), bệnh thận do vi khuẩn (Bacterial

kidney disease – BKD), *Gyrodactylus salaris* (GS) và *Ostreid herpesvirus 1* μ var (OsHV-1 μ var) nhập khẩu vào Vương quốc Anh hoặc một vùng/khu vực trong đó được công bố không có bệnh hoặc được áp dụng chương trình giám sát hoặc loại trừ đối với các bệnh trên.

Các loài được liệt kê được trình bày chi tiết trong bảng C của tài liệu do Bộ trưởng Ngoại giao công bố, với sự đồng ý của Bộ trưởng xứ Wales, theo quy định 3B của Quy định về Sức khỏe Động vật Thủy sản (Anh và xứ Wales) năm 2009, hoặc trong bảng 1 của tài liệu do Bộ trưởng Scotland công bố theo quy định 3B của Quy định về Sức khỏe Động vật Thủy sản (Scotland) năm 2009.

Chi tiết các loài động vật được công bố trên trang web:

www.gov.uk/government/publications/susceptible-and-vector-species

www.gov.scot/publications/health-status-of-fish-and-shellfish-diseases-in-scotland/

Ngoài các chứng nhận trên, một số chứng nhận cần tham khảo như: AH/E421, AH/A261, AH/A359A, AH/A360A. Chi tiết các mẫu giấy nhận có thể được tìm thấy tại trang web: https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/GBR/24_06897_00_e.pdf

CANADA DỰ THẢO MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA ĐỐI VỚI FLUPYRADIFURONE

*ThS. Nguyễn Hoàng Long
Văn phòng SPS Việt Nam*

Ngày 14/10/2024, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1577 về việc đề xuất mức dư lượng tối đa (MRL) đối với hoạt chất Flupyradifurone. Đề xuất này là một phần của đơn xin cấp phép sử dụng hoạt chất này tại Canada của Tập đoàn Bayer CropScience theo đơn số 2023-1491. Flupyradifurone là thuốc trừ sâu butenolide toàn thân do Bayer CropScience phát triển dưới tên Sivanto. Flupyradifurone bảo vệ cây trồng khỏi các loài gây hại ăn nhựa cây như rệp và an toàn hơn đối với các sinh vật không phải mục tiêu so với các loại thuốc trừ sâu khác. Theo đó, đơn xin được yêu cầu thêm mặt hàng mới là hạt mù tạt (hạt có dầu và gia vị) vào nhãn của sản phẩm BUTEO Start 480 FS có chứa flupyradifurone để kiểm soát bọ chét.



(Hạt mù tạt vàng: nguồn Internet)

Đánh giá về việc sử dụng hoạt chất flupyradifurone cho thấy các rủi ro về sức khỏe con người và môi trường liên quan đến các hoạt chất mới này là có thể chấp nhận được. Các rủi ro về chế độ ăn uống từ việc tiêu thụ các loại thực phẩm hạt mù tạt (loại gia vị) được chứng minh là có thể chấp nhận được khi flupyradifurone được sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn. Ước tính lượng tiêu thụ cấp tính (thức ăn cộng với nước uống) cho thấy rằng dân số nói chung và tất cả các nhóm dân số khác (trừ phụ nữ từ 13–49 tuổi) đều tiếp xúc với liều tham chiếu cấp tính dưới 22% và do đó không có vấn đề gì về sức khỏe. Và mức MRL của flupyradifurone được đề xuất là 0,03 ppm đối với hạt mù tạt (loại gia vị). Trước đó, mức 0,03 ppm được đưa ra đối với hạt mù tạt (loại dầu).

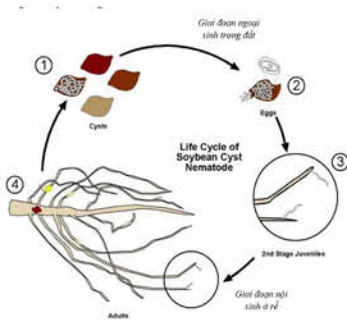
Bộ Y tế đưa ra dự thảo và mời cộng đồng gửi ý kiến bằng văn bản cho MRL được đề xuất này đến ngày 24/12/2024. Hiện tại, Tiêu chuẩn Codex và Hoa Kỳ chưa thiết lập MRL cho loại hạt mù tạt (gia vị) này.

NHẬT BẢN DỰ THẢO VỀ GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA ĐƯỢC (MRL) ĐỐI VỚI IMICYAFOS

CN. Nguyễn Hà Thùy Dương
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 04/10/2024, Nhật Bản đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/1302 nhằm đề xuất giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với Imicyafos.

Imicyafos được sử dụng để kiểm soát các loại giun ký sinh như giun tròn và giun kim. Được sử dụng dưới nhiều dạng khác nhau trong nhiều thế kỷ, chúng là loại thuốc trừ sâu được sử dụng rộng rãi nhất trên toàn thế giới.



(Ảnh minh họa: Nguồn Internet)

Vòng đời của tuyến trùng có thể từ 26- 50 ngày. Khi tuyến trùng xâm nhập vào bộ rễ cây và làm tổ tạo thành burs sẽ làm tắc nghẽn sự vận chuyển nước và dinh dưỡng của hệ thống rễ, làm cây biến vàng rồi chết dần khi còn nhỏ và chậm phát triển, còi cọc khi cây lớn. Thuốc diệt tuyến trùng bảo vệ cây non trong giai đoạn đầu phát triển và cho phép cây phát triển tốt và cho năng suất sau đó. Tuy nhiên, không có loại thuốc diệt tuyến trùng nào có thể diệt trừ tuyến trùng khỏi đất vì các cá thể thường có thể sống sót ở các tầng sâu hơn, nơi chúng có thể thoát khỏi sự khuếch tán hóa học; sự tái nhiễm của cây chắc chắn sẽ xảy ra sau vài tháng hoặc vài năm.

MRL của imicyafos trong một số thực phẩm:

Hàng hóa	MRL (dự thảo) ppm	MRL (hiện hành) ppm
Đậu nành, khô	0,02	0,02
Khoai tây	0,1	0,1
Khoai môn	0,02	0,02
Khoai lang	0,01	0,01
Khoai mỡ Nhật Bản (bao gồm cả khoai mỡ Trung Quốc)	0,05	0,05
Củ cải Nhật Bản, rễ (bao gồm cả củ cải)	0,3	0,03
Củ cải Nhật Bản, lá (bao gồm cả củ cải)	1	1
Cải thảo Trung Quốc	0,1	0,1
Bắp cải	0,02	0,02
Nguru bàng		0,02
Rau diếp	2	2
Hệ tỏi	0,02	0,02

Hệ tỏi	0,02	0,02
Các loại rau họ măng tây khác	0,09	0,02
Cà rốt	0,09	0,03
Cà chua	0,3	0,3
Pimiento (ớt ngọt)	0,7	0,7
Cà tím	0,2	0,3
Dưa chuột (bao gồm cả dưa chuột muối)	0,5	0,5
Dưa hấu		0,1
Dưa hấu (cả quả sau khi bỏ cuống)	0,1	
Dưa lưới	0,05	0,05
Các loại rau họ bầu bí khác	0,2	0,2
Rau bina	0,5	0,5
Đậu bắp	0,03	0,03
Đậu nành xanh	0,02	0,02
Các loại đậu khác	0,2	0,2
Dâu tây	0,2	0,2
Mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa)	0,05	

LƯU Ý: Định nghĩa về dư lượng chỉ là Imicyafos.

- Giới hạn thống nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các mặt hàng không được liệt kê ở trên.

- Đường chéo có nghĩa là danh mục thực phẩm mà MRL áp dụng không được thiết lập.

- Về MRL trong danh mục thực phẩm, “Dưa hấu” sẽ bị bãi bỏ, thay thế bởi “Dưa hấu (toàn bộ quả sau khi loại bỏ cuống)”.

NHẬT BẢN DỰ THẢO VỀ GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA ĐƯỢC (MRL) ĐỐI VỚI MANDIPROPAMID

ThS. Bùi Đức Toàn
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 04/10/2024, Nhật Bản đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/1303 nhằm đề xuất giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với Mandipropamid.

Mandipropamid và hỗn hợp mandipropamid-oxathiapiprolin hiện đã được đăng ký là ứng dụng trên lá để quản lý bệnh thối nâu ở cây họ cam chanh.



(Ảnh minh họa: Nguồn Internet)

Thối nâu do một loại nấm gây hại phổ biến trong vườn, *Phytophthora* spp. Loại nấm này

cũng gây ra các bệnh như chết cây con khi chúng đang phát triển. Do tính linh hoạt của mình, nấm *Phytophthora* có thể xuất hiện trong hầu hết mọi giai đoạn phát triển và tàn phá nhiều loại cây trồng trong vườn. Ở cây họ cam quýt, chủ yếu nhằm vào các loại quả đã chín hoặc gần chín. Thối nâu ở quả họ cam quýt thường bắt đầu bằng một đốm nhỏ, đổi màu, nhưng nhanh chóng lan rộng trên bề mặt quả bị ảnh hưởng, tạo thành các tổn thương dai có mùi nồng. Các tác nhân gây bệnh khác có thể lợi dụng lỗ hổng trên bề mặt cứng của quả, làm phức tạp thêm việc chẩn đoán. Nhìn chung, thối nâu nghiêm trọng nhất ở những quả vị trí thấp nhất; con đường lây truyền phổ biến nhất là qua đất bị nhiễm bệnh bắn lên quả trong quá trình tưới nước hoặc mưa lớn.

MRL của Mandipropamid trong một số thực phẩm:

Hàng hóa	MRL (dự thảo) ppm	MRL (hiện hành) ppm
Đậu nành, khô	0,2	0,2
Đậu, khô	0,1	0,1
Khoai tây	0,1	0,1
Khoai sọ	0,09	0,01
Khoai lang	0,09	0,01
Khoai mỡ Nhật Bản (bao gồm cả khoai lang Trung Quốc)	0,09	0,01
Khoai tây khác	0,09	0,01
Củ cải Nhật Bản, lá (bao gồm củ cải)	25	25
Củ cải, lá (bao gồm cả củ cải Thụy Điển)	25	25
Cải xoong	25	25
Bắp cải Trung Quốc	25	25

Cải bắp	3	3
Mầm Brussels	3	3
Cải xoăn	25	25
Komatsuna (rau bina mù tạt Nhật Bản)	25	25
Kyona (cải mizuna)	25	25
Bông cải xanh Trung Quốc	25	25
Súp lơ trắng	5	3
Súp lơ xanh	5	5
Các loại rau họ cải khác	25	25
Rau diếp xoăn	25	25
Xà lách	25	25
Cải cúc	25	25
Rau diếp (bao gồm rau diếp Romaine và rau diếp lá)	25	25
Các loại rau tổng hợp khác	25	25
Hành	0,05	0,1
Hành lá (bao gồm tỏi tây)	4	4
Tỏi	0,05	0,05
Các loại măng tây khác	0,05	7
Mùi tây	25	20
Cần tây	20	20
Mitsuba (ngò tây Nhật)	25	
Cà chua	3	3
Pimiento (ớt ngọt)	2	2
Cà tím	2	2
Các loại cà khác	0,7	25
Dưa chuột (bao gồm cả dưa chuột bao tử)	0,6	0,3
Bí ngô (bao gồm bí đao)	0,6	0,3
Dưa gang	0,4	0,5
Dưa hấu (toàn bộ quả sau khi loại bỏ cuống)	0,6	0,2
Dưa (toàn bộ quả sau khi loại bỏ cuống)	0,6	0,5
Dưa Makuwauri (toàn bộ quả sau khi loại bỏ cuống)	0,6	0,5
Các loại rau bầu bí khác	25	25

Rau chân vịt	25	25
Đậu bắp	1	1
Gừng	0,09	0,01
Đậu thận , chưa trưởng thành (có vỏ)	1	1
Đậu nành xanh	3	3
Các loại rau khác	25	25
Cam Unshu (toàn bộ quả)	2	3
Quýt natsudaidai, toàn bộ quả	3	3
Chanh	1	3
Cam (bao gồm cả màu cam Navel)	2	3
Bưởi chùm	3	3
Các loại trái cây họ cam quýt khác	3	3
Dâu tây	5	5
Nho	3	3
Đu đủ	0,8	
Các loại trái cây mọng khác	3	3
Hạt cacao	0,06	0,06
Hoa bia	90	90
Các loại gia vị khác	10	10
Các loại thảo mộc khác	30	25
Động vật có vú trên cạn, cơ	0,01	0,01
Động vật có vú trên cạn, mỡ	0,02	0,01
Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0,05	0,05

Lưu ý: dư lượng chỉ là mandipropamid.

Giới hạn thống nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các mặt hàng không được liệt kê ở trên.

Nhật Bản dự thảo về giới hạn dư lượng tối đa được (MRL) đối với 1-Naphthaleneacetic acid

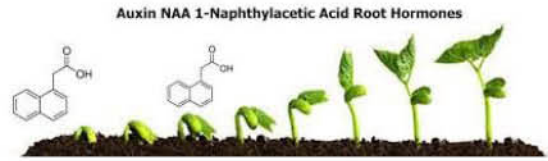
NHẬT BẢN DỰ THẢO VỀ GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA ĐƯỢC (MRL) ĐỐI VỚI 1-NAPHTHALENEACETIC ACID

CN. Ngô Quang Anh
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 04/10/2024, Nhật Bản đưa ra thông báo số G/SPS/N/JPN/1303 nhằm đề xuất giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với 1-Naphthaleneacetic acid.

NAA (Naphthalene acetic acid) là một loại hormone thực vật tổng hợp có thể thúc đẩy sự phân chia và mở rộng các tế bào thực vật, giúp thúc đẩy sự tăng trưởng và điều chỉnh phát triển của cây trồng. Bằng cách tăng cường phát triển của rễ, kích thích của lá và ảnh hưởng tới quá trình ra hoa, kết trái. các loại cây có xu hướng rụng trái trước khi chín, tăng cường quá trình phát triển của quả. Ổn định được quả non trên cây,

giảm tỷ lệ rụng trái non do nhiều yếu tố từ môi trường, giúp tăng chất lượng của trái cây hơn, cải thiện hiệu quả khả năng chống chịu hạn, rét, úng, chống bệnh, chống chịu mặn của cây trồng.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

MRL của Naphthaleneacetic acid trong một số thực phẩm:

Hàng hóa	MRL (dự thảo) ppm	MRL (hiện hành) ppm
Bí ngô (bao gồm bí)	0,03	0,03
Dưa (toàn bộ hàng hóa sau khi loại bỏ thân cây)	0,02	0,02
Cam Unshu (toàn bộ hàng hóa)	4	4
Citrus natsudaidai, toàn bộ	4	4
Chanh	5	5
Màu cam (bao gồm cả màu cam rốn)	5	5
Bưởi chùm	4	5
Các loại trái cây họ cam quýt khác 1	5	5
Quả táo	0,5	0,5
Lê Nhật Bản	0,3	0,3
Cây lê	0,3	0,3
Mộc qua		0,3
Anh đào		0,1
Avocado	0,05	
Xoài	0,02	0,02
Các loại trái cây khác	0,7	0,1

Trà	60	
Các loại gia vị khác	30	30
Mật ong (bao gồm sữa ong chúa)	0,05	

LƯU Ý: Định nghĩa dư lượng là axit 1-Naphthaleneacetic (bao gồm cả liên hợp của nó).

* Giới hạn thống nhất 0,01 ppm sẽ được áp dụng cho các mặt hàng không được liệt kê ở trên.

Canada dự thảo về giới hạn dư lượng tối đa được (MRL) đối với pyridate

CANADA DỰ THẢO VỀ GIỚI HẠN DƯ LƯỢNG TỐI ĐA ĐƯỢC (MRL) ĐỐI VỚI PYRIDATE

ThS. Ngô Văn Phương
Viện cơ điện Nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch

Ngày 24/09/2024, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1572 nhằm tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với pyridate.

Bộ Y tế Canada đang tham khảo ý kiến công chúng và tìm kiếm phản hồi về đề xuất tăng giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với việc sử dụng pyridate trên các sản phẩm phụ từ thịt của gia súc, dê, ngựa và cừu; và thiết lập MRL mới đối với đậu nành khô và các loại đậu, đậu Hà Lan khô có vỏ (nhóm cây trồng 6-21F, ngoại trừ đậu lăng khô).

MRL mới được đề xuất cho pyridate đang được yêu cầu do kết quả của việc sử dụng mới trên đậu Hà Lan khô (thuộc nhóm cây họ đậu, nhóm cây trồng đậu Hà Lan khô có vỏ, 6-21F) và đậu nành khô. MRL mới đã được thiết lập cho pyridate trên đậu nành và các loại đậu khô, đậu Hà Lan đã tách vỏ khô (nhóm cây trồng 6-21F, ngoại trừ đậu lăng khô) là 0,05 ppm.

Đề xuất tăng MRL đối với pyridate trên các sản phẩm phụ từ thịt của gia súc, dê, ngựa và cừu được đưa ra do nhu cầu sử dụng mới đối với đậu khô (thuộc nhóm cây họ đậu, đậu khô có vỏ, 6-21F) và đậu nành khô, có thể làm thức ăn cho gia súc. Tăng MRL đối với pyridate từ 0,2 phần

triệu (ppm) lên 0,6 ppm trên các sản phẩm thịt của gia súc, dê, ngựa và cừu.

Những thay đổi MRL được đề xuất này cho phép những loại thực phẩm này hoặc bất kỳ thực phẩm chế biến nào có nguồn gốc từ chúng được trồng và bán ở Canada. Những thay đổi MRL cũng áp dụng cho những loại thực phẩm này được nhập khẩu vào Canada.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Dự thảo sẽ được kết thúc việc lấy góp ý đến hết ngày 01/12/2024. Mọi chi tiết liên quan đến việc đưa ra đề xuất có thể tìm thấy tại đường link: <https://www.canada.ca/en/health-canada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public-consultations/proposed-maximum-residue-limit/2024/pyridate.html>

EU DỰ THẢO CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN SỰ XUẤT HIỆN CỦA VIRUS NÂU SẦN QUẢ CÀ CHUA (TOMATO BROWN RUGOSE FRUIT VIRUS) TRÊN CÁC GIỐNG CÀ CHUA VÀ ỚT

TS. Đào Văn Cường
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 09/10/2024, Liên minh châu Âu đưa ra thông báo số G/SPS/N/EU/798 về việc đề xuất dự thảo các biện pháp ngăn chặn sự xuất hiện của virus nâu sần trên quả cà chua (*Tomato brown rugose fruit virus*) trên trên cây giống của loài cà chua (*Solanum lycopersicum* L.) và các giống lai của nó, và trên các giống ớt (*Capsicum annuum* L.); đồng thời thông báo thiết lập tỷ lệ tần suất kiểm soát chính thức.



Cà chua và ớt (ảnh: Internet)

Virus nâu sần trên quả cà chua (*Tomato brown rugose fruit virus* hoặc *ToBRFV*) theo Quy định (EU) 2022/1032, trong đó đưa ra các biện pháp tạm thời để ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan của nó trong Liên minh châu Âu. Dựa trên các dữ liệu khoa học và kỹ thuật gần đây, ToBRFV hiện đáp ứng các tiêu chí đối với các sinh vật gây hại không phải cách ly được quản lý trong EU. Do đó, các biện pháp mới

đang được thiết lập để ngăn chặn sự hiện diện của virus trên cây giống (bao gồm cả hạt giống) và tỷ lệ tần suất kiểm soát chính thức.



Cà chua bị nhiễm virus nâu sần (ảnh: Internet)

Theo thông báo đưa ra, để tránh việc hủy hoại hạt giống quá mức trong trường hợp các lô hạt giống nhỏ của *Solanum lycopersicum* L. và các giống lai của nó có nguồn gốc từ 30 hoặc ít hơn 30 cây mẹ, nên chỉ cho phép thử nghiệm các cây mẹ chứ không phải hạt của chúng.

Lấy mẫu và thử nghiệm để xác định sự hiện diện của ToBRFV sẽ được thực hiện trên ít nhất 20% các lô hàng cây để trồng *Solanum lycopersicum* L. và các giống lai của nó và *Capsicum annuum* L. có nguồn gốc từ các nước thứ ba. Tuy nhiên, tần suất lấy mẫu là 50% đối với các lô hàng có nguồn gốc từ Israel, và 100% trên các lô hàng có nguồn gốc từ Trung Quốc.

EU BỔ SUNG CÁC TRƯỜNG HỢP VÀ ĐIỀU KIỆN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN YÊU CẦU CÁC NHÀ KHAI THÁC THÔNG BÁO VỀ VIỆC HÀNG HÓA NHẬP CẢNH VÀO LÃNH THỔ EU

CN. Phan Thu Trang
Văn phòng SPS Việt Nam

Ngày 26/9/2024, Liên minh châu Âu đưa ra thông báo số G/SPS/N/EU/795 về các trường hợp và điều kiện cơ quan có thẩm quyền yêu cầu các nhà khai thác hoặc các doanh nghiệp thông báo về việc hàng hóa nhập cảnh vào lãnh thổ EU.



Hàng hóa xuất khẩu sang EU (ảnh: Internet)

Theo thông báo nêu trên, các trường hợp có thể yêu cầu các nhà khai thác hàng hóa hoặc doanh nghiệp khai báo như sau:

- Khi lô hàng được xác định có rủi ro đối với sức khỏe con người, động vật, thực vật; các sản phẩm biến đổi gen hoặc rủi ro liên quan tới môi trường;
- Hàng hóa nằm trong danh sách phải chịu kiểm tra đột suất tại các trạm kiểm soát biên giới theo Điều 44(3), điểm (b), của Quy định (EU) 2017/625.



Trạm kiểm soát tại biên giới (ảnh: Internet)

Các thông tin cần được khai báo trước thường bao gồm:

- Tên, địa chỉ, quốc gia và mã quốc gia của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) của cá nhân hoặc pháp nhân gửi hàng; người nhận hàng; nơi giao hàng;
- Tên của trạm kiểm soát biên giới nơi đầu tiên đến EU;
- Các tài liệu thương mại và chứng từ liên quan;
- Thông tin lô hàng (ngày giờ xuất nhập, số hiệu container, mô tả hàng hóa, ...)

Theo đó, Quy định này bắt đầu có hiệu lực từ ngày 03/3/2025.

HOA KỲ ĐỀ XUẤT MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA (MRL) MỚI ĐỐI VỚI HOẠT CHẤT SULFENTRAZONE TRÊN NGÔ

*ThS. Nguyễn Thị Huyền
Văn phòng SPS Việt Nam*

Ngày 10/10/2024, Hoa Kỳ đưa ra thông báo số G/SPS/N/USA/3478 về việc đề xuất mức dư lượng tối đa (MRL) mới đối với hoạt chất Sulfentrazone trên hạt ngô và thân cây ngô.



Ngô (ảnh: Internet)

Theo như thông báo được đưa ra, Hoa Kỳ đã đề xuất mức dư lượng mới đối với hoạt chất Sulfentrazone, cụ thể:

	MRL mới được đề xuất (ppm)
Hạt ngô	0.15
Thân cây ngô	0.30

Thông báo bắt đầu có hiệu lực từ ngày 27/9/2024.

Sulfentrazone là một loại thuốc diệt cỏ thuộc nhóm triazolinone, được sử dụng để kiểm soát cỏ dại trong các loại cây trồng. Nó hoạt động bằng cách ức chế sự tổng hợp chlorophyll và các chất cần thiết cho sự phát triển của cây cỏ dại, dẫn đến cái chết của chúng. Sulfentrazone thường được sử dụng trong nông nghiệp để bảo vệ các cây trồng như ngô, đậu nành, và các loại cây ăn quả khỏi sự phát triển của cỏ dại.



Bao bì chai thuốc diệt cỏ Sulfentrazone (ảnh: Internet)

Thuốc này có thể được áp dụng qua việc phun lên lá hoặc rễ, tùy thuộc vào đặc tính của từng loại cây trồng và loại cỏ dại cần kiểm soát.

EU BỔ SUNG CÁC KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT QUỐC GIA DỰA TRÊN RỦI RO VÀ KẾ HOẠCH GIÁM SÁT NGẪU NHIÊN QUỐC GIA, VÀ TẦN SUẤT LẤY MẪU TỐI THIỂU

*ThS. Nguyễn Thị Huyền
Văn phòng SPS Việt Nam*

Ngày 02/10/2024, Liên minh châu Âu đưa ra thông báo số G/SPS/N/EU/797 về nội dung bổ sung của các kế hoạch kiểm soát quốc gia dựa trên rủi ro và kế hoạch giám sát ngẫu nhiên quốc gia, được đệ trình bởi các nước thành viên, và tần suất lấy mẫu tối thiểu.

Sau năm đầu tiên thực hiện các biện pháp kiểm soát chính thức về việc sử dụng các chất hoạt tính dược lý được phép dùng làm thuốc thú y hoặc làm phụ gia thức ăn chăn nuôi, cũng như các chất có hoạt tính dược lý bị cấm hoặc không được phép và các dư lượng của chúng (theo Quy định 2022/1646), có vẻ như một số tần suất lấy mẫu bắt buộc đối với sự kết hợp của các nhóm chất phụ (sản phẩm bảo vệ thực vật và chất diệt khuẩn) và nhóm hàng hóa cũng bị kiểm soát trong khuôn khổ của các kế hoạch kiểm soát dư lượng thuốc trừ sâu.



*Lấy mẫu kiểm tra dư lượng thuốc trừ sâu
(ảnh: Internet)*

Để tránh lấy mẫu/báo cáo trùng lặp, các quốc gia thành viên có thể chọn lấy mẫu dư lượng thuốc trừ sâu hoặc dư lượng thuốc thú y tùy ý.

Do đó, Quy định này yêu cầu về tần suất lấy mẫu bắt buộc (hiện là 5% tổng số mẫu) theo kế hoạch kiểm soát dư lượng thuốc thú y đối với các nhóm chất này được thay thế bằng một đợt lấy mẫu bắt buộc không có tỷ lệ phần trăm cố định.

Ngoài ra, quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2025.

CANADA THÔNG BÁO BAN HÀNH LỆNH MIỄN TRỪ CẤP BỘ TRƯỞNG ĐỐI VỚI VIỆC NHẬP KHẨU ĐẶC BIỆT MỘT SỐ THỰC PHẨM PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH ĂN KIÊNG ĐẶC BIỆT

ThS. Bùi Đức Toàn
Văn phòng SPS Việt Nam

Theo thông báo số G/SPS/CAN/1576 ngày 07/10/2024, Canada đã thông báo về ý định ban hành lệnh miễn trừ cấp bộ trưởng đối với việc nhập khẩu đặc biệt một số loại thực phẩm nhất định phục vụ mục đích ăn kiêng đặc biệt để giảm thiểu tình trạng thiếu hụt hoặc nguy cơ thiếu hụt.

Thực phẩm dành cho mục đích ăn kiêng đặc biệt (FSDP) là các sản phẩm đã được chế biến hoặc pha chế đặc biệt để đáp ứng yêu cầu dinh dưỡng cụ thể của người có vấn đề về sức khỏe hoặc dùng làm nguồn dinh dưỡng chính hoặc duy nhất. Ví dụ: các sản phẩm thay thế sữa mẹ (thường gọi là sữa công thức cho trẻ sơ sinh), các chất bổ sung sữa mẹ, thực phẩm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng đặc biệt cho một số bệnh lý nhất định như rối loạn chuyển hóa bẩm sinh.

Bộ trưởng Bộ Y tế Canada, theo Điều 30.05(1) của Luật Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) có ý định ban hành lệnh miễn trừ đối với việc nhập khẩu đặc biệt các thực phẩm dành cho mục đích ăn kiêng đặc biệt nhằm giảm thiểu tình trạng thiếu hụt hoặc nguy cơ thiếu hụt các sản phẩm này. Trong trường hợp thiếu hụt hoặc nguy cơ thiếu hụt, lệnh được đề xuất sẽ cho phép nhập khẩu đặc biệt một số FSDP bằng cách miễn trừ chúng (tùy thuộc vào điều kiện) khỏi một số lệnh cấm của FDA và một số yêu cầu về thành phần, nhãn mác, quy định trước khi đưa ra thị trường theo Quy định về Thực phẩm và Dược phẩm (FDR).



(Sữa công thức Infant Formula: nguồn Internet)

Thông tin chi tiết dự thảo tham khảo tại đường link:

<https://www.canada.ca/en/health-canada/services/food-nutrition/public-involvement-partnerships/notice-of-intent-for-exceptional-importation-certain-foods-to-mitigate-shortage.html>

HÀN QUỐC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI “LUẬT ĐẶC BIỆT VỀ KIỂM SOÁT AN TOÀN THỰC PHẨM NHẬP KHẨU”

*ThS. Lưu Hồng Sơn
Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên*



(ảnh: nguồn Internet)

Theo thông báo số G/SPS/N/KOR/810 ngày 18/10/2024, Hàn Quốc đã đề xuất sửa đổi Luật đặc biệt về Kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu.

Dự thảo Luật sửa đổi một phần Luật đặc biệt về Quản lý An toàn thực phẩm nhập khẩu đưa ra các thay đổi chính sau:

- Khoản 1 Điều 25-2: Yêu cầu đăng tải thông tin ít nhất một lần mỗi năm trên trang web về các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu trực tiếp có chứa hoặc có khả năng chứa nguyên liệu hoặc thành phần gây nghiện theo Luật Quản lý ma túy.
- Khoản 1 Điều 25-4: Bắt buộc tiến hành kiểm tra đối với các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu trực tiếp có khả năng chứa thành phần gây nghiện.
- Khoản 1 Điều 25-5: Bắt buộc khảo sát thực trạng ít nhất một lần mỗi năm đối với các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu trực tiếp có chứa hoặc có khả năng chứa thành phần gây nghiện.

Thông tin chi tiết dự thảo tham khảo tại đường link:

https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/KOR/24_06957_00_x.pdf

TRUNG QUỐC SỬA ĐỔI TIÊU CHUẨN AN TOÀN THỰC PHẨM QUỐC GIA ĐỐI VỚI SỮA TIỆT TRÙNG

ThS. Lưu Hồng Sơn
Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên



(ảnh: nguồn Internet)

Theo thông báo số G/SPS/N/CHN/1322 ngày 18/10/2024, Trung Quốc đưa ra quy định sửa đổi các tiêu chuẩn hiện hành về sữa tiệt trùng tại quốc gia này, cụ thể:

1. Định nghĩa “Sữa tiệt trùng ở nhiệt độ cao” là: Làm từ sữa bò (dê) tươi, đun nóng đến ít nhất 132°C trong thời gian ngắn theo phương pháp chảy liên tục, sau đó tiệt trùng và đóng gói vô trùng để tạo thành sản phẩm dạng lỏng.

2. Định nghĩa “Sữa tiệt trùng chưng cất” là: Làm từ sữa bò (dê) tươi, không qua xử lý nhiệt trước hay không, sau khi đóng gói và niêm phong, sản phẩm dạng lỏng được sản xuất sau khi thực hiện tiệt trùng và các quá trình khác.

3. Xóa bỏ mục “4.1.2. Sữa bột: Phải tuân thủ các quy định của GB 19644.”

4. Xóa mục “5.2. Sữa tiệt trùng làm hoàn toàn từ sữa bột phải ghi rõ ‘sữa hoàn nguyên’ ngay cạnh tên sản phẩm; sữa tiệt trùng có thêm sữa bột phải ghi rõ ‘chứa xx% sữa hoàn nguyên’ ngay cạnh tên sản phẩm. Lưu ý: ‘xx% chỉ phần trăm khối lượng của sữa bột trong tổng chất rắn sữa tiệt trùng”.

Điều này có nghĩa là yêu cầu về việc ghi rõ thông tin “sữa hoàn nguyên” hoặc “chứa xx% sữa hoàn nguyên gần tên sản phẩm” đã bị xóa bỏ trong bản sửa đổi.

5. Xóa mục “5.3. ‘Sữa hoàn nguyên’ hoặc ‘Sữa hoàn nguyên’ và tên sản phẩm phải được ghi rõ trên bề mặt chính của bao bì sản phẩm; chữ ‘sữa hoàn nguyên’ phải rõ ràng, kích thước chữ không nhỏ hơn kích thước chữ của tên sản phẩm, chiều cao chữ không nhỏ hơn 1/5 chiều cao của bề mặt chính”.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Điều này nghĩa là yêu cầu về việc ghi rõ “sữa hoàn nguyên” trên bao bì sản phẩm với quy định về kích thước và vị trí đã bị xóa bỏ trong bản sửa đổi.

Chi tiết dự thảo sửa đổi tham khảo đường link:

https://members.wto.org/crnattachments/2024/SPS/CHN/24_06965_00_x.pdf

BRAZIL ĐỀ XUẤT BỔ SUNG C91 - CORYMBIA CITRIODORA VÀO DANH MỤC THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT CHO THUỐC TRỪ SÂU, SẢN PHẨM TẨY RỬA GIA ĐÌNH VÀ CHẤT BẢO QUẢN GỖ

ThS. Ngô Văn Phương

Viện cơ điện Nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch

Thông báo G/SPS/N/BRA/2337 ngày 14/10/2024 của Công báo Liên bang Brazil cập nhật dự thảo nghị quyết số 1285 ngày 27/9/2024.

Dự thảo nghị quyết mới đây đề xuất bổ sung thành phần hoạt chất C91 – Corymbia Citriodora vào danh mục thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia đình và chất bảo quản gỗ. Danh mục này được công bố theo Chỉ thị Quy phạm 103 vào ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Liên bang Brazil.



(Cây bạch đàn: nguồn Internet)

Citronelal là một hợp chất không chỉ có trong tinh dầu của cây bạch đàn Citriodora, mà còn có ở nhiều nguồn tự nhiên khác như thảo quả, cỏ chanh, húng quế, trái cây họ cam quýt, gừng và tiêu đen, giữa những nguồn khác. Hợp chất này được sử dụng rộng rãi trong các sản phẩm chăm sóc cá nhân, sản phẩm gia dụng, biocide (chất khử trùng và kiểm soát dịch hại), nước hoa và hương liệu. Nồng độ tối đa được khuyến nghị để sử dụng trong các sản phẩm hoàn thiện, nhằm không gây nguy hiểm cho sức khỏe của người tiêu dùng, dao động từ 0,017% đến 2,3% (API et al., 2021).

Các nghiên cứu về độc tính cấp tính cho thấy citronelal có độc tính trung bình, với giá trị LD50 khác nhau tùy theo cách tiếp xúc. Nó được phân loại là chất gây kích ứng da và mắt, với khả năng gây nhạy cảm yếu, chủ yếu trên da.

Thông tin chi tiết về hoạt chất C91 - Corymbia Citriodora có thể tham khảo thêm thông tin tại:

<https://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6879837/CONSULTA+PUBLICA+N%%20C2%BA+1285+GGTOX.pdf/aa273aa8-08b3-4c99-85a2-f4d45aa8a4d7>

BRAZIL DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ AN TOÀN SỨC KHỎE CON NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN SẢN PHẨM THÚ Y

*TS. Nguyễn Thành Trung
Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Thông báo G/SPS/N/BRA/2335 ngày 14/10/2024 của Công báo Liên bang Brazil cập nhật dự thảo nghị quyết số 1286 ngày 06/10/2024.

Dự thảo nghị quyết này bao gồm các quy định về việc đánh giá rủi ro đối với sức khỏe con người từ các sản phẩm thuốc thú y, giới hạn dư lượng tối đa (MRL) của các sản phẩm thuốc thú y trong thực phẩm có nguồn gốc từ động vật, cũng như các phương pháp phân tích phục vụ cho việc đánh giá tính tuân thủ.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Theo Điều 12-A, việc đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (MRL) giữa các loài chỉ có thể thực hiện khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- Loài tham chiếu và loài mẫn cảm thuộc cùng một lớp động vật.
- Đề xuất áp dụng cho cùng một loại thực phẩm của loài tham chiếu.
- Tỷ lệ giữa dư lượng tối thiểu và dư lượng tổng độc tính cho loài tham chiếu có thể áp dụng cho loài đề xuất.
- Dư lượng tối thiểu ở loài tham chiếu phải là:
- Phân tử tiền chất; hoặc
- Dư lượng của tổng các hoạt chất.

Ngoài ra, một số quy định bổ sung cũng được nêu rõ:

* Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa cho cá không áp dụng cho các lớp Agnatha và Chondrichytes.

* Để đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ giữa dư lượng tối thiểu và dư lượng tổng, ít nhất một trong các điều kiện sau phải được thỏa mãn:

- MRL giống nhau đã được thiết lập cho ít nhất hai loài có liên quan.
- Khi tỷ lệ giữa dư lượng chỉ thị và dư lượng tổng bằng 1 cho tất cả các mô của một loài tham chiếu, MRL có thể được đề xuất cho các loài có liên quan.
- Đối với sữa và trứng, nếu tỷ lệ này bằng 1, MRL có thể được áp dụng cho sữa của các loài khác và trứng của các loài chim khác.
- Đối với cá, MRL có thể được áp dụng cho tất cả các loài cá nếu được thiết lập dựa trên giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Quy định này nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong việc quản lý dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.

Dự thảo nghị quyết này cũng sẽ được thông báo tới Ủy ban TBT.

Thông tin chi tiết về dự thảo có thể tìm tại:

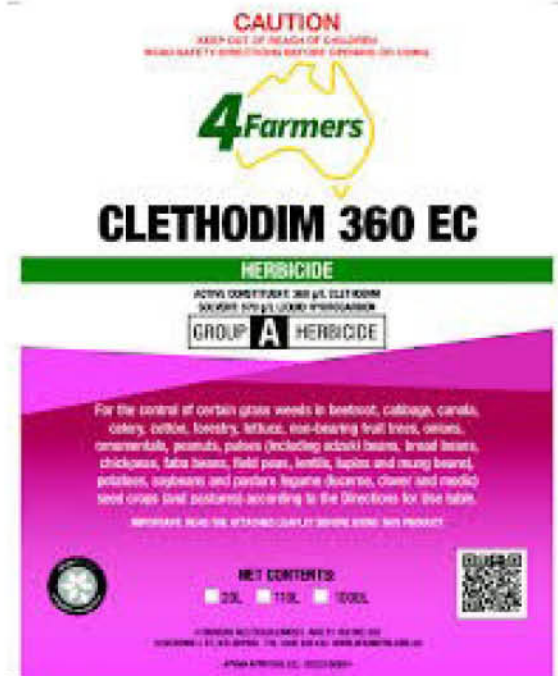
file:///E:/C%3%B4ng%20vi%E1%B-B%87c/B%E1%BA%A3n%20tin/B%E1%BA%A3n%20tin%20th%C3%A1ng%2010/2335/CONSULTA%20P%C3%9ABLICA%20N%C2%BA%201286_GGALI.pdf

CANADA ĐỀ XUẤT THAY ĐỔI MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA ĐỐI VỚI CLETHODIM (PMRL2024-21)

TS. Nguyễn Tiến Đạt
Trưởng Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Clethodim là thuốc diệt cỏ hiện được đăng ký sử dụng tại Canada trên nhiều loại trái cây, rau, ngũ cốc, thảo mộc và gia vị.

Một đề xuất đã được đệ trình bởi Sở Nông nghiệp, Nuôi trồng thủy sản và Nghề cá New Brunswick, và được đơn vị đăng ký UPL Agrosolutions Canada Inc. hỗ trợ, để đăng ký việc sử dụng clethodim dạng lá trên cây việt quất bụi thấp trên nhãn thuốc diệt cỏ Clethodim 360EC và thuốc diệt cỏ sau khi nảy mầm dạng cô đặc dạng nhũ tương. Việc tăng MRL này sẽ cho phép bán việt quất bụi thấp đã qua xử lý ở Canada.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Bộ Y tế Canada đề xuất chấp nhận mức tăng MRL này với lý do là Bộ đã tiến hành đánh giá khoa học toàn diện và phát hiện ra rằng rủi ro sức khỏe từ việc ăn các mặt hàng thực phẩm được xử lý bằng clethodim đáp ứng các yêu cầu đối với bảo vệ sức khỏe con người. Đánh giá sức khỏe chính được yêu cầu cho cuộc tham vấn này là đánh giá rủi ro về chế độ ăn uống, được tiến hành theo các mục 10 và 11 của Đạo luật về sản phẩm kiểm soát dịch hại. Đánh giá này bao gồm đánh giá kỹ lưỡng các rủi ro sức khỏe có tính đến độc tính và phơi nhiễm chế độ ăn uống của clethodim, và tuân thủ các tiêu chuẩn quy định nghiêm ngặt.

Cụ thể, mức MRL hiện tại đối với clethodim trong việt quất đang là 0,2 ppm, tăng lên là 0,5 ppm nhằm hỗ trợ việc sử dụng clethodim của Canada đối với cây việt quất bụi thấp với dữ liệu về cây nam việt quất thể hiện tốt hơn mục đích sử dụng được đề xuất so với dữ liệu về cây việt quất bụi cao được sử dụng để tính toán MRL đã thiết lập trước đó.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

CANADA: ĐỀ XUẤT THAY ĐỔI MỨC DƯ LƯỢNG TỐI ĐA ĐỐI VỚI TRIALLATE (PMRL2024-19)

ThS. Nguyễn Hữu Hòa
Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên

Theo thẩm quyền của Đạo luật Sản phẩm Kiểm soát Sâu bệnh hại, Cơ quan Quản lý Sâu bệnh hại (PMRA) của Bộ Y tế Canada đang đề xuất chấp nhận đơn xin được yêu cầu thêm một hàng mới là lúa mạch (thuộc nhóm phụ cây lúa mạch 15-21B) vào nhãn sản phẩm Thuốc diệt cỏ Avadex Liquid EC có chứa triallate cấp kỹ thuật để kiểm soát yến mạch hoang dã, như một ứng dụng trước khi trồng hoặc trước khi nảy mầm. Các mục đích sử dụng cụ thể được chấp thuận tại Canada được nêu chi tiết trên nhãn sản phẩm này, Số đăng ký Đạo luật Sản phẩm Kiểm soát Sâu bệnh 16759 .

AVADEX[®]
LIQUID EC
HERBICIDE (GR 8)

(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Đánh giá về ứng dụng triallate này cho thấy sản phẩm sử dụng cuối có giá trị và rủi ro về sức khỏe con người và môi trường liên quan đến việc

sử dụng mới này là có thể chấp nhận được. Rủi ro về chế độ ăn uống từ việc tiêu thụ các loại thực phẩm đã được chứng minh là có thể chấp nhận được khi triallate được sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn được hỗ trợ. Do đó, các loại thực phẩm có chứa dư lượng phát sinh từ việc sử dụng này là an toàn để ăn và một MRL đang được đề xuất dựa trên kết quả đánh giá này.

Mức dư lượng được đề xuất là 0,05 ppm, tương đương mức dư lượng của Hoa Kỳ thiết lập đối với cùng loại sản phẩm được đưa ra là lúa mạch.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

CANADA DỰ THẢO THAY ĐỔI GIỚI HẠN TỐI ĐA VỚI HOẠT CHẤT SPIROMESIFEN

TS. Nguyễn Thành Trung
Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Ngày 04/10/2024, Canada đưa ra thông báo số G/SPS/N/CAN/1573 về việc đề xuất thay đổi giới hạn tối đa (MRL) của hoạt chất spiromesifen trên một số thực phẩm.

Spiromesifen là một loại thuốc diệt ve IGR được dán nhãn là hóa chất EPA Reduced Risk. Đây là chất ức chế sinh tổng hợp lipid và nhắm vào tất cả các giai đoạn của nhiều loài ve bao gồm nhện, nhện giả, ve gi sắt và ve tarsonemid và các giai đoạn chưa trưởng thành của loài ruồi trắng.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Để đưa ra được một MRL, Bộ Y tế Canada sẽ tiến hành đánh giá rủi ro. Trong quá trình này, Bộ Y tế Canada sẽ kết hợp thông tin về độc tính của thuốc trừ sâu với thông tin về mức độ và thời gian tiếp xúc qua đường ăn uống với dư lượng thuốc trừ sâu từ thực phẩm. Kết quả là các nghiên cứu trên động vật thí nghiệm cho thấy không có tác

động cấp tính nào đến sức khỏe liên quan đến phơi nhiễm qua chế độ ăn uống. Do đó một liều spiromesifen duy nhất không có khả năng gây ra các tác động cấp tính đến sức khỏe con người (bao gồm trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ).

Bộ Y tế đưa ra MRL cho spiromesifen trên đầu cây họ chanh là 30 ppm và các loại quả họ cam là 0.15 ppm. Đề xuất này đang được đưa ra để nhận góp ý đến ngày 10/12/2024 trên trang web của Bộ Y tế Canada. Dự thảo này hiện tại phù hợp với Tiêu chuẩn Codex và cao hơn so với MRL của Hoa Kỳ (10 ppm trên tinh dầu cam).



(Ảnh minh họa: nguồn Nguyễn Thị Huyền)

Các MRL được đề xuất được khuyến nghị đã bao gồm tổng lượng dư lượng spiromesifen và chất chuyển hóa spiromesifen-enol. Các rủi ro về chế độ ăn uống do tiếp xúc với tổng lượng dư lượng spiromesifen và chất chuyển hóa

spiromesifen-enol trong cam và tinh dầu họ cam quýt ở các MRL được đề xuất đã được chứng minh là có thể chấp nhận được đối với dân số nói chung và tất cả các nhóm dân số khác, bao gồm trẻ sơ sinh, trẻ em, người lớn và người cao tuổi. Do đó, các loại thực phẩm nhập khẩu có chứa dư lượng dưới mức trên được coi là an toàn để sử dụng làm thực phẩm.

Tại Việt Nam, hoạt chất này được sử dụng kết hợp với các hoạt chất khác dùng làm thuốc trừ sâu trên các loại cây khác nhau. Ví dụ như sản phẩm Ang-Sachray 700 WP, spiromesifen 200 g/kg cùng với hoạt chất nitenpyram 500 g/kg được sử dụng để diệt rầy nâu trên lúa.



Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Thông tin chi tiết có thể được tham khảo tại trang web: <https://www.canada.ca/en/health-canada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/consultations/proposed-maximum-residue-limit/2024/spiromesifen/document.html>

TIÊU CHUẨN HALAL CỦA CÁC THỊ TRƯỜNG HỒI GIÁO TRUNG ĐÔNG VÀ CÁC THỊ TRƯỜNG MỚI NỔI

TS. Ngô Xuân Nam
Văn phòng SPS Việt Nam

1. Tiêu chuẩn Halal là gì?

a. Định nghĩa Halal

Theo Hội đồng dinh dưỡng và Thực phẩm Hồi giáo Mỹ (IFANCA): Halal là một thuật ngữ tiếng Ả rập có nghĩa là “hợp pháp” hoặc “phù hợp với luật lệ”. Đối với người Hồi giáo, Halal ám chỉ những sản phẩm và hoạt động được cho phép theo luật lệ của Islam.

Tiêu chuẩn Halal quan tâm đến 3 vấn đề chính:

- Những mối quan tâm về đạo đức: Quy trình sản xuất thực phẩm Halal cần tuân thủ các quy định của đạo Hồi. Những quy định này nhấn mạnh vào việc đối xử nhân đạo với động vật trong quá trình chuẩn bị.

- Những thực phẩm hạn chế sử dụng: Thực phẩm Halal không sử dụng thịt lợn và các sản phẩm làm từ máu mà tập trung vào các loại thực phẩm như gia cầm, thịt bò, thịt cừu và hải sản.
- Quy trình chuẩn bị và xử lý: Thực phẩm Halal cần trải qua một quy trình chế biến bao gồm cầu nguyện và ban phước để đảm bảo sự tinh khiết và sạch sẽ cho sản phẩm đầu ra.

b. Ý nghĩa của Halal

- Halal không chỉ đơn giản là cách người Hồi giáo lựa chọn thực phẩm và các mặt hàng khác. Halal có ý nghĩa sâu sắc về mặt tâm linh và đạo đức.

- Các nguyên tắc Halal khuyến khích người Hồi giáo sống một cuộc sống lành mạnh, tôn trọng và tuân thủ những nguyên tắc đạo đức của đạo Hồi.
- Nhấn mạnh sự quan tâm đến sức khỏe và sự tôn trọng đối với môi trường.

c. Chứng nhận sản phẩm Halal

Chứng nhận Halal là chứng nhận sản phẩm cho người Hồi Giáo được phép sử dụng. Đó là quá trình xem xét đánh giá độc lập, khách quan của bên thứ 3 (tổ chức chứng nhận) để xác nhận rằng những sản phẩm/dịch vụ cụ thể được đánh giá không sử dụng các thành phần chất cấm Haram và điều kiện sản xuất/cung cấp dịch vụ đáp ứng yêu cầu của Kinh Qur'an và luật Shari'ah. Tổ chức chứng nhận Halal là các tổ chức được công nhận năng lực đánh giá Halal bởi cơ quan thẩm quyền tại nước sở tại và tổ chức công nhận/cơ quan chỉ định của các nước, các khu vực.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Các yêu cầu cơ bản khi chứng nhận sản phẩm Halal

- Nguyên liệu sản xuất sản phẩm đó phải là Halal. Hầu hết các nguyên liệu có nguồn gốc từ thực vật và thủy sản đều là Halal.
- Không sử dụng cồn dưới mọi hình thức để cho trực tiếp vào sản phẩm.
- Không sử dụng nguyên liệu từ động vật bị cấm (heo/chó) hoặc giết mổ không theo nghi thức đạo Hồi.
- Các điều kiện về nhà xưởng và vệ sinh an toàn phải đảm bảo.

2. Tiềm năng của thị trường Halal

2.1. Thị trường Halal toàn cầu

- Thị trường nông nghiệp, thực phẩm Halal dành cho người Hồi giáo trên thế giới phục vụ khoảng 2 tỷ người chiếm 20% dân số thế giới. Quy mô lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm Halal toàn cầu năm 2022 đạt 2.310,45 tỷ USD và được dự báo đạt 4.115,87 vào năm 2030 (Nghiên cứu của Tổ chức Nghiên cứu thị trường Zion);
- Thị trường Halal được đánh giá có tốc độ tăng trưởng cao, dư địa phát triển lớn do dân số theo đạo Hồi ngày càng gia tăng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2023-2030 dự đoán đạt 7,7%/năm (Nghiên cứu của Tổ chức Nghiên cứu thị trường Zion);



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

2.2. Một số thị trường Hala

a. Thị trường Indonesia

- Chứng nhận Halal tại Indonesia đã được sửa đổi và cập nhật, chứng nhận Halal giờ đây không còn mang tính chất tự nguyện mà đã trở thành yêu cầu bắt buộc.



(Ảnh minh họa: nguồn Nguyễn Thị Huyền)

- Chứng nhận Halal nằm dưới sự quản lý của các cơ quan nhà nước. Cơ quan Tổ chức và Chứng nhận sản phẩm Halal (BPJPH) có nhiệm vụ tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích và đóng góp vào công cuộc phục hồi kinh tế thông qua việc phát triển hệ sinh thái Halal cũng như các hoạt động kinh doanh trị giá hàng nghìn tỷ USD.
- BPJPH đã cấp chứng nhận Halal cho hơn 5 triệu sản phẩm và con số này tăng lên đáng kể nhờ vào nhận thức của công chúng về tầm quan trọng của các sản phẩm Halal, đi liền với đó là các nghĩa vụ Halal cần phải thực hiện trong quá trình nhập khẩu, lưu thông và giao thương các sản phẩm tại Indonesia.
- Indonesia có cộng đồng người Hồi giáo lớn và lợi tức nhân khẩu học đạt 240 triệu tính đến năm 2023, Indonesia có tiềm năng phát triển trở thành thị trường Halal lớn nhất trên thế giới.
- Indonesia có sự thay đổi hành vi tiêu dùng với sản phẩm Halal, do đó đã có tác động đáng kể tới nền kinh tế Indonesia và ảnh hưởng tích cực tới nền kinh tế Hồi giáo toàn cầu. Từ đó, những quy định Halal được sử dụng nhiều hơn trong các ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm - đồ uống, dược phẩm, mỹ phẩm, hàng tiêu dùng, cũng như các dịch vụ khác như logistics và du lịch.
- Indonesia đang tích cực xây dựng quan hệ đối tác với nhiều nước trên thế giới để cung cấp dịch vụ đảm bảo Halal. Trong thời gian giữ

chức vụ Chủ tịch G20, Indonesia đã thành lập Diễn đàn Halal 20 (H20). Đây là một cột mốc quan trọng trong sự phát triển của hệ sinh thái và ngành công nghiệp Halal toàn cầu, cũng như quan hệ đối tác Halal trên toàn thế giới.

- Về hợp tác Indonesia - Viet Nam trong lĩnh vực Halal, hiện đang có 2 (hai) cơ quan chứng nhận Halal của Việt Nam đã đăng ký chứng nhận và hợp tác chung. Đó là Cơ quan Chứng nhận Halal Việt Nam tại Hà Nội và Dịch vụ Chứng nhận Halal Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh.

b. Thị trường Trung Đông



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Trung Đông bao gồm 16 quốc gia với dân số khoảng 400 triệu dân. Thị trường Trung Đông với 90% dân số theo đạo Hồi do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt đặc biệt cho sản xuất nông nghiệp, có nhu cầu nhập khẩu 80% hàng hóa lương thực, thực phẩm, tương đương khoảng 40 tỷ USD mỗi năm và dự báo đến năm 2035 sẽ tăng lên 70 tỷ USD;

Xuất khẩu nông sản thực phẩm của Việt Nam với khu vực Trung Đông chủ yếu tập trung vào các quốc gia thuộc **Hội đồng hợp tác Vùng Vịnh (GCC)** với 06 quốc gia thành viên là Các tiểu Vương quốc Ả rập thống nhất (UAE), Arab Saudi, Kuwait, Bahrain, Qatar và Oman. Hiện 6 nước GCC đều là thành viên WTO. Do các nước Trung Đông là những nước theo đạo Hồi nên khi xuất khẩu thực phẩm, các sản phẩm phải được các Tổ chức Tiêu chuẩn và Đo lường vùng Vịnh

(GSMO) cấp: Giấy chứng nhận về tiêu chuẩn, kiểm định chất lượng, quy định về nhãn mác,... và giấy chứng nhận Halal đối với các sản phẩm thực phẩm, thủy sản.

* Thị trường UAE

UAE đứng đầu về kinh tế trong các nước Ả rập và đứng thứ 17/61 nền kinh tế có tính cạnh tranh cao trên thế giới. UAE là nền kinh tế thị trường tự do về lao động và hàng hóa. UAE là nước có tình hình chính trị ổn định trong khu vực và là thị trường xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam. Các Tiểu vương quốc Arab Thống nhất (UAE) hiện là thị trường xuất khẩu lớn nhất và là đối tác thương mại lớn thứ hai (sau Kuwait) của Việt Nam tại Tây Á. Trong những năm gần đây, xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường UAE đã đạt được những kết quả khả quan, trong đó có thể kể đến một số mặt hàng như: gạo (20-30 triệu USD/năm), rau quả, thủy sản, hạt điều, hạt tiêu (30-50 triệu USD/năm). Sản phẩm cá tra của Việt Nam xuất khẩu sang UAE chiếm 40-50% thị phần tại quốc gia này. Riêng 10 tháng đầu năm 2023, tổng trao đổi thương mại song phương đạt hơn 3,9 tỷ USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó Việt Nam xuất khẩu đạt hơn 3,3 tỷ USD và nhập khẩu đạt trên 600 triệu USD.

Một số quy định nhập khẩu vào thị trường UAE:

- Giấy tờ cần thiết: Hóa đơn, phiếu đóng gói, chứng nhận y tế tại nước sở tại, chứng nhận Halal đối với thịt và gia cầm cấp bởi tổ chức Hồi giáo xác nhận bởi chính phủ UAE và chứng nhận Halal đối với sản phẩm có thành phần từ động vật, chứng nhận nguồn gốc xuất xứ
- Quy định về nhãn mác:
 - + Tất cả các mặt hàng nông sản nhập khẩu phải được dán nhãn rõ ràng với tên thương hiệu của mặt hàng, tên thực phẩm, thành phần, quốc gia xuất xứ, ngày sản xuất và ngày hết hạn, tên và địa chỉ của nhà sản xuất, danh sách các số điện tử (E-number) được thêm vào sản phẩm (nếu có), hàm lượng tịnh của thực phẩm và (nếu có) tình trạng bảo quản và

phương pháp chế biến để tiêu thụ.

+ Nhãn phải khó tháo hoặc thay đổi; rõ ràng và dễ đọc; hiển thị nguồn gốc của tất cả chất béo, enzyme, gelatin; và liệt kê tất cả sản phẩm động vật.

+ Ngoài ra, ngày hết hạn và ngày sản xuất phải được ghi rõ ràng bằng tiếng Ả rập hoặc tiếng Anh.

• Vấn đề kiểm dịch:

+ Có thể cần phải gửi mẫu thực phẩm đến phòng thí nghiệm thực phẩm của Thành phố Sharjah để đảm bảo rằng thực phẩm đó an toàn để tiêu thụ và tuân thủ các thông số kỹ thuật, quy định về nhãn mác và thời hạn sử dụng của UAE trong lần đầu nhập khẩu.

+ Tất cả các lô hàng nhập khẩu đều được kiểm tra thực tế. Các loại thực phẩm như thức ăn trẻ em, dầu ăn, sữa và các sản phẩm từ sữa đều phải trải qua quá trình kiểm tra trong phòng thí nghiệm.

- Một số giấy tờ liên quan khác như: Nhật ký nhiệt độ trong quá trình vận chuyển hàng đông lạnh khi cần thiết.

* Thị trường Vương quốc Ả-rập Xê-út



(Ảnh minh họa: VP SPS VN)

Nông sản, thực phẩm xuất khẩu sang Ả - rập Xê - út (KSA) đều phải đăng ký với **SFDA** (Cơ quan Thực phẩm và Dược phẩm Ả Rập Xê Út) và phải được SFDA chấp thuận.

- SFDA không chỉ ra quy định mà còn thực thi thanh kiểm tra rất nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- SFDA có quyền kiểm tra chính thức các quy trình hoạt động của cơ quan có thẩm quyền ở

nước xuất khẩu để xác minh rằng các quy định pháp luật và hệ thống quản lý ở quốc gia đó tuân thủ luật thực phẩm của KSA, các quy định, tiêu chuẩn, hướng dẫn, chỉ thị và mọi văn bản pháp luật liên quan đến bảo vệ sức khỏe động vật và thực vật của KSA;



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

- Quy định VSATTP và hạn mức cho phép tồn dư thuốc kháng sinh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật theo tiêu chuẩn SFDA.FD 382:2019;
- SFDA có thể yêu cầu sự bảo đảm chính thức từ cơ quan có thẩm quyền nước xuất khẩu về việc sử dụng hoặc hạn chế một số hóa chất liên quan đến việc sản xuất thực phẩm có nguồn gốc thực vật, hoặc không có sinh vật biến đổi gen (GMO);
- Đảm bảo truy xuất nguồn gốc;
- Đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật: Lô hàng/lô hàng thịt nguyên con và các phần thịt nhằm mục đích xuất khẩu đến Ả-rập Xê-út phải kèm theo giấy chứng nhận quy trình giết mổ Halal nhằm xác minh rằng động vật được giết mổ theo đúng quy định với điều kiện là chứng chỉ được cấp từ cơ quan chứng nhận được Trung tâm Halal-SFDA công nhận.



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

- Đối với sản phẩm có nguồn gốc thực vật:
 - + Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật chính thức phải được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền ở nước xuất khẩu khi nhập khẩu rau quả tươi và ngũ cốc.
 - + Mẫu Giấy chứng nhận KDTV thực hiện theo mẫu do Cơ quan có thẩm quyền quy định và Cơ quan có thẩm quyền liên quan ở KSA.
- Chi tiết quy định của việc nhập khẩu thực phẩm vào Ả-rập Xê-út được tìm thấy tại đường link:

<https://www.sfda.gov.sa/sites/default/files/2022-03/SFDAFood4654E.pdf>

* Thị trường Iran



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

Việt Nam và Iran đã ký kết một số thỏa thuận hợp tác, như thỏa thuận chung về hợp tác kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật, hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, hiệp định về thương mại, trong đó có điều khoản MFN (điều khoản tối huệ quốc), thành lập ủy ban hỗn hợp cấp Chính phủ. Iran không chỉ là thị trường tiềm năng mà còn là cửa ngõ trung chuyển cho hàng hóa Việt Nam thâm nhập thị trường Trung Đông, Trung Á, khu vực Caucasus với khoảng 350 triệu dân.

Các nông sản Việt Nam hiện được xuất khẩu vào Iran như: Chè, cà phê, hạt tiêu, điều, gạo,... và một số loại trái cây như chuối, dứa, dưa,... Hàng hóa nhập khẩu vào Iran phải tuân thủ các tiêu chuẩn GMP, ISO, HACCP, ...

* Thị trường Israel

Ngoài việc đáp ứng các quy định theo yêu cầu của pháp luật, Doanh nghiệp cần lưu ý đến Chứng nhận Kosher, đây không phải là yêu

cầu pháp lý để nhập khẩu thực phẩm vào Israel. Tuy nhiên hầu hết siêu thị, khách sạn từ chối sử dụng sản phẩm không có chứng nhận này.

Chứng nhận Kosher có 1 số nguyên tắc cơ bản, trong đó chỉ một số loại động vật có vú, chim, cá đáp ứng các tiêu chuẩn nhất định mới được chứng nhận Kosher. Động vật có vú và chim được coi là Kosher phải được giết mổ theo quy trình...



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

c. Thị trường Malaysia

Malaysia có hệ sinh thái Halal được thiết lập chặt chẽ và được công nhận trên toàn cầu, cùng với đó là khung pháp lý mạnh mẽ và hệ thống chứng nhận Halal mạnh mẽ. Malaysia cung cấp nhiều mặt hàng và dịch vụ Halal, bao gồm thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm, chăm sóc cá nhân và du lịch. Malaysia có cơ sở hạ tầng phát triển tốt để sản xuất, chế biến các sản phẩm Halal thực hiện các dịch vụ hậu cần (logistics), góp phần hỗ trợ chuỗi cung ứng hiệu quả.

Các thực phẩm tại Malaysia tuân theo tiêu chuẩn Malaysia (Malaysian Standard) MS 1500:2019. Các yêu cầu chung đối với thực phẩm Halal như sau:

- Thiết bị, dụng cụ nhà bếp, máy móc, các phương tiện hỗ trợ chế biến: Các thiết bị, dụng cụ nêu trên nếu trước đây đã được sử dụng hoặc có tiếp xúc với najis al-mughallazah phải được làm sạch và tẩy rửa theo nghi lễ do luật Shariah và fatwa quy định. Quy trình này phải được giám sát và thẩm xét bởi cơ quan có thẩm quyền halal. Ngoài ra, khu vực chế biến phải không có

bất kỳ dụng cụ hoặc yếu tố nào về việc tôn thờ tôn giáo khác (tránh xung đột tôn giáo).



(Ảnh minh họa: nguồn Internet)

- Đảm bảo vệ sinh cá nhân, bảo vệ sức khỏe và an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình sản xuất.
- Đảm bảo quy trình chế biến, xử lý, lưu trữ, vận chuyển thực phẩm Halal.

Thực phẩm Halal hiện đang là xu hướng phát triển toàn cầu. Chế độ ăn này tuân thủ theo các quy định về chế độ ăn uống của đạo Hồi và mang lại rất nhiều lợi ích cho người sử dụng. Do đó, ngày càng có nhiều người không theo đạo Hồi có xu hướng sử dụng thực phẩm Halal vì đây là những sản phẩm đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm. Do đó các giao thương sản phẩm Halal được tăng cường. Các doanh nghiệp đạt được chứng nhận Halal sẽ khai thác các thị trường tiêu dùng rộng lớn và chưa được khai phá, tạo cơ hội cho tăng trưởng kinh tế và mở ra nhiều cơ hội mới cho việc hợp tác giữa các doanh nghiệp, tạo thêm nhiều cơ hội việc làm.

PHỤ LỤC: THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG, THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) TỪ NGÀY 21/9 - 20/10/2024

STT	Mã WTO	Quốc gia/ khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề
1	G/SPS/N/CHN/1317	Trung Quốc	18/10/2024	Tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm của Trung Quốc: Phụ gia thực phẩm Natri Alginate
2	G/SPS/N/CHN/1316	Trung Quốc	18/10/2024	Tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Phụ gia thực phẩm Erythritol.
3	G/SPS/N/CHN/1315	Trung Quốc	18/10/2024	Tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Tiêu chuẩn cho hương liệu.
4	G/SPS/N/JPN/1305	Nhật Bản	17/10/2024	Sửa đổi một phần Nghị định về Tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi (Nghị định của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản số 52 ngày 03 tháng 10 năm 2024).
5	G/SPS/N/GBR/71	Vương quốc Anh	17/10/2024	Giấy chứng nhận sức khỏe GBHC676 cho việc nhập khẩu, vận chuyển động vật thủy sản phục vụ làm cảnh và các mục đích khác.
6	G/SPS/N/BRA/2349	Bra-xin	16/10/2024	Dự thảo Nghị quyết 1.287, ngày 11/10/2024
7	G/SPS/N/THA/583/ Add.1/Corr.1	Thái Lan	15/10/2024	Thông báo của Bộ Y tế Công cộng Thái Lan về "Ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn"
8	G/SPS/N/GEO/32	Georgia	15/10/2024	Phê duyệt "Quy định về kiểm soát nhà nước và các hoạt động chính thức khác trong lĩnh vực an toàn thực phẩm/thức ăn chăn nuôi, thú y và bảo vệ thực vật"

9	G/SPS/N/CAN/1577	Canada	14/10/2024	Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Flupyradifurone (PMRL2024-22)
10	G/SPS/N/BRA/2337	Bra-xin	14/10/2024	Dự thảo Nghị quyết 1285, ngày 27 tháng 9 năm 2024
11	G/SPS/N/BRA/2336	Bra-xin	14/10/2024	Dự thảo Nghị quyết 1284, ngày 27 tháng 9 năm 2024.
12	G/SPS/N/BRA/2335	Bra-xin	14/10/2024	Dự thảo Nghị quyết 1286, ngày 6 tháng 10 năm 2024
13	G/SPS/N/USA/3478	Hoa Kỳ	10/10/2024	Đề xuất dung sai cho thuốc trừ cỏ Sulfentrazone;
14	G/SPS/N/UGA/383	Uganda	09/10/2024	DUS DARS 1292:2024, Côn trùng ăn được – Thực hành canh tác tốt và thu hoạch tự nhiên, Ấn bản đầu tiên
15	G/SPS/N/UGA/382	Uganda	09/10/2024	DUS DARS 1293:2024, Sản phẩm côn trùng làm thức ăn chăn nuôi - Bộ quy tắc thực hành trong sản xuất, chế biến và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi, Ấn bản đầu tiên.
16	G/SPS/N/UGA/381	Uganda	09/10/2024	DUS DARS 1295:2024, Côn trùng ăn được – Thực hành vệ sinh trong chăn nuôi và chế biến côn trùng – Bộ quy tắc thực hành, Ấn bản đầu tiên.
17	G/SPS/N/UGA/380	Uganda	09/10/2024	DUS DARS 1294:2024, Côn trùng ăn được – Thực hành nông nghiệp trong nuôi dế, Ấn bản đầu tiên
18	G/SPS/N/UGA/379	Uganda	09/10/2024	DUS DARS 1296:2024, Côn trùng ăn được – Hướng dẫn an toàn thực phẩm đối với côn trùng ăn được, Ấn bản đầu tiên
19	G/SPS/N/UGA/378	Uganda	09/10/2024	DUS DARS 2050:2024, Côn trùng ăn được – Sâu bướm khô ăn được – Đặc điểm kỹ thuật, Ấn bản đầu tiên.



VĂN PHÒNG SPS VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà A3, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024-37344764

Email: spsvietnam@mard.gov.vn

Website: <http://www.spsvietnam.gov.vn>

